

Số: 898 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Thanh Hóa sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 - 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Báo cáo số 2386/BC-BKHĐT ngày 27/3/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án nhóm C;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1123/SKHĐT-VX ngày 28/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Thanh Hóa sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 - 2020, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học mầm non, tiểu học trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục tiêu đầu tư: Kiên cố hóa phòng học mầm non, tiểu học nhằm đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cho việc dạy và học của các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện.

4. Quy mô đầu tư: 347 phòng học.

5. Tổng mức đầu tư: 317.675 triệu đồng.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 - 2020 Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học là 253.000 triệu đồng; phần kinh phí còn lại (64.675 triệu đồng) do chủ đầu tư đảm nhận.

7. Nội dung đầu tư, danh mục và quy mô các dự án đầu tư: Tại Phụ lục kèm theo.

8. Thời gian thực hiện: 2017 - 2018.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự toán các công trình và trình duyệt theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, gửi quyết định phê duyệt dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 - 2020 cho các dự án.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, Ban Chỉ đạo Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị liên quan, căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình, chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, địa phương, đơn vị mình; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

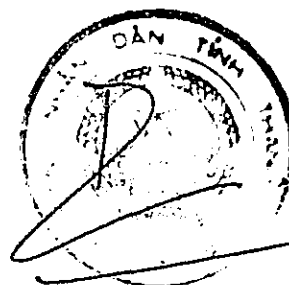
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Triệu Sơn, Tĩnh Gia, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Nga Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phó CVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, THKH, VX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC SỬ DỤNG
VỐN TRÁI PHIEU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

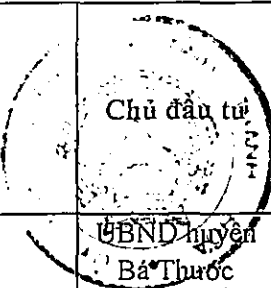
(Kèm theo Quyết định số 898/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

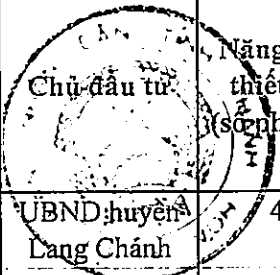
DVT: Triệu đồng

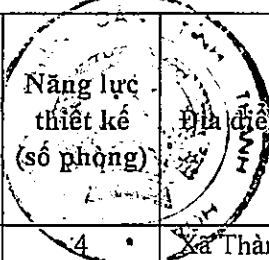
Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	Vốn khác	
	TỔNG SỐ		347			317.675	253.000	64.675		
I	Huyện Mường Lát		6			5.625	4.500	1.125		
	Mầm non									
1	Trường Mầm non Quang Chiêu	UBND huyện Mường Lát	2	Xã Quang Chiêu	2017 - 2018	2.000	1.600	400		
2	Trường Mầm Non Trung Lý	UBND huyện Mường Lát	3	Xã Trung Lý	2017 - 2018	3.000	2.400	600		
	Tiểu học									
4	Trường Tiểu học Tam Chung	UBND huyện Mường Lát	1	Xã Tam Chung	2017 - 2018	625	500	125		
II	Huyện Quan Sơn		18			15.750	12.600	3.150		
	Mầm non									
1	Trường Mầm non Sơn Hà	UBND huyện Quan Sơn	6	Xã Sơn Hà	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
2	Trường Mầm non Sơn Thủy	UBND huyện Quan Sơn	6	Xã Sơn Thủy	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
	Tiểu học									
3	Trường Tiểu học Tam Lư	UBND huyện Quan Sơn	6	Xã Tam Lư	2017 - 2018	3.750	3.000	750		
III	Huyện Quan Hóa		37			31.000	24.800	6.200		
	Mầm non									
1	Trường Mầm non Phú Lệ	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Phú Lệ	2017 - 2018	3.000	2.400	600		
2	Trường Mầm non Phú Xuân	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Phú Xuân	2017 - 2018	3.000	2.400	600		

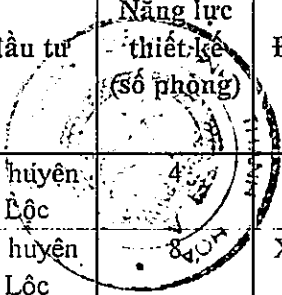
Số TT	Danh mục dự án	 Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	Vốn khác	
3	Trường Mầm non Phú Sơn	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Phú Sơn	2017 - 2018	3.000	2.400	600		
4	Trường Mầm non Phú Thanh	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Phú Thanh	2017 - 2018	3.000	2.400	600		
5	Trường Mầm non Thành Sơn	UBND huyện Quan Hóa	6	Xã Thành Sơn	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
6	Trường Mầm non Trung Sơn	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Trung Sơn	2017 - 2018	3.000	2.400	600		
7	Tiểu học Trường Tiểu học Nam Động	UBND huyện Quan Hóa	2	Xã Nam Động	2017 - 2018	1.250	1.000	250		
8	Trường Tiểu học Hiền Chung	UBND huyện Quan Hóa	8	Xã Hiền Chung	2017 - 2018	5.000	4.000	1.000		
9	Trường Tiểu học Phú Sơn	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Phú Sơn	2017 - 2018	1.875	1.500	375		
10	Trường Tiểu học Trung Sơn	UBND huyện Quan Hóa	3	Xã Trung Sơn	2017 - 2018	1.875	1.500	375		
IV	Huyện Bá Thước		16			13.100	10.400	2.700		
	Mầm non									
1	Trường Mầm non Văn Nho	UBND huyện Bá Thước	2	Xã Văn Nho	2017 - 2018	2.000	1.600	400		
2	Trường Mầm non Lũng Cao	UBND huyện Bá Thước	2	Xã Lũng Cao	2017 - 2018	2.000	1.600	400		
3	Trường Mầm non Ban Công	UBND huyện Bá Thước	2	Xã Ban Công	2017 - 2018	2.000	1.600	400		
4	Trường Mầm non Điền Hạ	UBND huyện Bá Thước	2	Xã Điền Hạ	2017 - 2018	2.000	1.600	400		
5	Tiểu học Trường Tiểu học Văn Nho	UBND huyện Bá Thước	2	Xã Văn Nho	2017 - 2018	1.500	1.000	500		

Số TT	Danh mục dự án		Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	Vốn khác	
6	Trường Tiểu học Diên Hạ	UBND huyện Bá Thước	6	Xã Diên Hạ	2017 - 2018	3.600	3.000	600		
V	Huyện Thường Xuân		10			10.000	8.000	2.000		
1	Trường Mầm non Vạn Xuân	UBND huyện Thường Xuân	6	Xã Vạn Xuân	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
2	Trường Mầm non Xuân Lệ	UBND huyện Thường Xuân	4	Xã Xuân Lệ	2017 - 2018	4.000	3.200	800		
VI	Huyện Như Xuân		20			19.425	14.800	4.625		
1	Trường Mầm non Thanh Sơn	UBND huyện Như Xuân	2	Xã Thanh Sơn	2017 - 2018	2.100	1.600	500		
2	Trường Mầm non Cát Vân	UBND huyện Như Xuân	2	Xã Cát Vân	2017 - 2018	2.100	1.600	500		
3	Trường Mầm non Tân Bình	UBND huyện Như Xuân	5	Xã Tân Bình	2017 - 2018	5.250	4.000	1.250		
4	Trường Mầm non Xuân Hòa	UBND huyện Như Xuân	1	Xã Xuân Hòa	2017 - 2018	1.050	800	250		
5	Trường Mầm non Hóa Quý	UBND huyện Như Xuân	4	Xã Hóa Quý	2017 - 2018	4.200	3.200	1.000		
6	Trường Mầm non Yên Lễ	UBND huyện Như Xuân	2	Xã Yên Lễ	2017 - 2018	2.100	1.600	500		
7	Tiểu học Trường Tiểu học Hóa Quý	UBND huyện Như Xuân	4	Xã Hóa Quý	2017 - 2018	2.625	2.000	625		
VII	Huyện Như Thanh		28			25.000	20.000	5.000		
1	Trường Mầm non Mậu Lâm,	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Mậu Lâm	2017 - 2018	4.000	3.200	800		

Số TT	Danh mục dự án		Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	
2	Trường Mầm non Yên Lạc	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Yên Lạc	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
3	Trường Mầm non Xuân Khang	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Xuân Khang	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
4	Trường Mầm non Phượng Nghi	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Phượng Nghi	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
5	Trường Mầm non Xuân Thọ	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Xuân Thọ	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
6	Tiểu học Trường Tiểu học Phượng Nghi	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Phượng Nghi	2017 - 2018	2.500	2.000	500	
7	Trường Tiểu học Xuân Khang 1	UBND huyện Như Thanh	4	Xã Xuân Khang	2017 - 2018	2.500	2.000	500	
VIII	Huyện Cẩm Thủy Mầm non		23			22.250	17.800	4.450	
1	Trường MN Cẩm Thành (3 khu)	UBND huyện Cẩm Thủy	14	Xã Cẩm Thành	2017 - 2018	14.000	11.200	2.800	
2	Trường MN Cẩm Liên	UBND huyện Cẩm Thủy	7	Xã Cẩm Liên	2017 - 2018	7.000	5.600	1.400	
3	Tiểu học Trường TH Cẩm Liên	UBND huyện Cẩm Thủy	2	Xã Cẩm Liên	2017 - 2018	1.250	1.000	250	
IX	Huyện Lang Chánh Mầm non		20			18.125	14.500	3.625	
1	Trường Mầm non Tân Phúc	UBND huyện Lang Chánh	3	Xã Tân Phúc	2017 - 2018	3.000	2.400	600	
2	Trường Mầm non Trí Nang	UBND huyện Lang Chánh	2	Xã Trí Nang	2017 - 2018	2.000	1.600	400	
3	Trường Mầm non Giao Thiện	UBND huyện Lang Chánh	4	Xã Giao Thiện	2017 - 2018	4.000	3.200	800	

Số TT	Danh mục dự án	 Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	
4	Trường Mầm non Yên Thắng	UBND huyện Lang Chánh	4	Xã Yên Thắng	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
5	Trường Mầm non Yên Khương	UBND huyện Lang Chánh	2	Xã Yên Khương	2017 - 2018	2.000	1.600	400	
6	Tiểu học Trường Tiểu học Tân Phúc 2	UBND huyện Lang Chánh	3	Xã Tân Phúc	2017 - 2018	1.875	1.500	375	
7	Trường Tiểu học Yên Thắng 1	UBND huyện Lang Chánh	2	Xã Yên Thắng	2017 - 2018	1.250	1.000	250	
X	Huyện Ngọc Lặc Mầm non		20			20.000	16.000	4.000	
1	Trường Mầm non Lộc Thịnh	UBND huyện Ngọc Lặc	4	Xã Lộc Thịnh	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
2	Trường Mầm non Mỹ Tân	UBND huyện Ngọc Lặc	4	Xã Mỹ Tân	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
3	Trường Mầm non Phùng Giáo	UBND huyện Ngọc Lặc	4	Xã Phùng Giáo	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
4	Trường Mầm non Thạch Lập	UBND huyện Ngọc Lặc	4	Xã Thạch Lập	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
5	Trường Mầm non Thúy Sơn	UBND huyện Ngọc Lặc	4	Xã Thúy Sơn	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
XI	Huyện Thạch Thành Mầm non		22			22.000	17.600	4.400	
1	Trường Mầm non Thành Minh 2	UBND huyện Thạch Thành	6	Xã Thành Minh	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
2	Trường Mầm non Thành Tân	UBND huyện Thạch Thành	6	Xã Thành Tân	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
3	Trường Mầm non Thành Công	UBND huyện Thạch Thành	6	Xã Thành Công	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	 Năng lực thiết kế (số phòng)	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư			Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:		
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	
4	Trường Mầm non Thành Mỹ	UBND huyện Thạch Thành	4	Xã Thành Mỹ	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
XII	Huyện Triệu Sơn		11			11.400	8.800	2.600	
1	Trường Mầm non Bình Sơn	UBND huyện Triệu Sơn	6	Xã Bình Sơn	2017 - 2018	6.200	4.800	1.400	
2	Trường Mầm non Thọ Bình	UBND huyện Triệu Sơn	5	Xã Thọ Bình	2017 - 2018	5.200	4.000	1.200	
XIII	Huyện Tĩnh Gia		24			24.000	19.200	4.800	
1	Trường Mầm non Hải Hòa	UBND huyện Tĩnh Gia	6	Xã Hải Hòa	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
2	Trường Mầm non Hải Ninh	UBND huyện Tĩnh Gia	6	Xã Hải Ninh	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
3	Trường Mầm non Hải Hà	UBND huyện Tĩnh Gia	6	Xã Hải Hà	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
4	Trường Mầm non Hải Thượng	UBND huyện Tĩnh Gia	6	Xã Hải Thượng	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
XIV	Huyện Hậu Lộc		38			30.500	24.400	6.100	
1	Trường Mầm non Ngư Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	8	Xã Ngư Lộc	2017 - 2018	8.000	6.400	1.600	
2	Trường Mầm non Hưng Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	4	Xã Hưng Lộc	2017 - 2018	4.000	3.200	800	
3	Trường Mầm non Hải Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	6	Xã Hải Lộc	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200	
4	Tiểu học Trường Tiểu,học Đa Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	8	Xã Đa Lộc	2017 - 2018	5.000	4.000	1.000	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (số phòng) 	Địa điểm XD	Thời gian KC - HT	Tổng mức đầu tư				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			
							Vốn TPCP	Vốn ngân sách huyện xã	Vốn khác	
5	Trường Tiểu học Hải Lộc	UBND huyện Hậu Lộc	4	Xã Hải Lộc	2017 - 2018	2.500	2.000	500		
6	Trường Tiểu học Hưng Lộc I	UBND huyện Hậu Lộc	8	Xã Hưng Lộc	2017 - 2018	5.000	4.000	1.000		
XV	Huyện Hoằng Hóa Tiểu học		12			7.500	6.000	1.500		
1	Trường Tiểu học Hoằng Châu	UBND huyện Hoằng Hóa	6	Xã Hoằng Châu	2017 - 2018	3.750	3.000	750		
2	Trường TH Hoằng Trường	UBND huyện Hoằng Hóa	6	Xã Hoằng Trường	2017 - 2018	3.750	3.000	750		
XVI	Huyện Quảng Xương Mầm non		24			24.000	19.200	4.800		
1	Trường Mầm non Quảng Nham	UBND huyện Quảng Xương	6	Xã Quảng Nham	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
2	Trường Mầm non Quảng Hải	UBND huyện Quảng Xương	6	Xã Quảng Hải	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
3	Trường Mầm non Quảng Thạch	UBND huyện Quảng Xương	6	Xã Quảng Thạch	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
4	Trường Mầm non Quảng Lưu	UBND huyện Quảng Xương	6	Xã Quảng Lưu	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
XVII	Huyện Nga Sơn Mầm non		18			18.000	14.400	3.600		
1	Trường Mầm non Nga Thủy	UBND huyện Nga Sơn	6	Xã Nga Thủy	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
2	Trường Mầm non Nga Tân	UBND huyện Nga Sơn	6	Xã Nga Tân	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		
3	Trường Mầm non Nga Tiến	UBND huyện Nga Sơn	6	Xã Nga Tiến	2017 - 2018	6.000	4.800	1.200		

Tổng số phòng: 347 phòng. Trong đó: 265 phòng học mầm non; 82 phòng học tiểu học.